

Chiến lược và hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính

- Sản xuất, mua bán, xuất nhập khẩu dược phẩm; thiết bị và dụng cụ y tế; nguyên liệu bao bì sản xuất thuốc.
- Sản xuất, mua bán, xuất nhập khẩu thuốc y học cổ truyền, mỹ phẩm; thực phẩm, thực phẩm chức năng; các loại nước uống, nước uống có cồn, có gas, các chất diệt khuẩn, khử trùng cho người.
- Cung cấp các dịch vụ hệ thống kho bảo quản các loại thuốc, nguyên liệu làm thuốc.
- Nuôi trồng, chế biến và mua bán dược liệu.
- Kinh doanh ngành du lịch nghỉ dưỡng.
- Đầu tư tài chính.

Cơ cấu sở hữu

Tại ngày 16/04/2010	Số lượng cổ phần	%
Nhà nước	3.036.160	26%
Nhân viên trong công ty	723.454	6%
Cổ đông khác	7.900.206	68%
- Nhà đầu tư nước ngoài	4.926.060	42%
Total	11.659.820	100%

Công ty liên doanh, liên kết

STT	Tên công ty liên doanh liên kết	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Sở hữu IMP (%)	IMP contribution (VNDbn)
1	Công ty TNHH Dược phẩm Gia Đại	0,7	26,00	0,182
2	Công ty CP Dược phẩm An Giang	56,035	25,50	14,289
3	Công ty CP Dược phẩm Sóc Trăng	20,941	25,50	5,340
Tổng tiền				19,811

Thông tin kinh doanh

Sản phẩm: bao gồm (1) thuốc tân dược: các loại thuốc kháng sinh, các loại thuốc hạ sốt giảm đau, các loại thuốc kháng viêm, các loại thuốc đặc trị, các loại thuốc chống dị ứng và các loại thực phẩm chức năng; (2) Các loại thuốc kinh doanh: do Công ty nhập khẩu hoặc mua lại từ các đơn vị khác để phân phối.

Hiện nay, Công ty đã sản xuất được trên 270 loại sản phẩm, trong đó có trên 30 loại là sản xuất nhượng quyền cho các tập đoàn, công ty lớn ở nước ngoài như: Sandoz (Biochemie), Robinson pharma, DP pharma, Pharmascience, Innotech,... Sản phẩm của Công ty đa dạng và phong phú về chủng loại với chất lượng cao, mẫu mã bao bì đẹp nên được sự tin nhiệm lựa chọn của khách hàng, đặc biệt là các cơ sở khám chữa bệnh trong nước.

Thị phần mà Công ty tham gia chiếm khoảng 4% tổng giá trị sản phẩm được tiêu thụ của cả nước

Nguyên vật liệu: Nguyên liệu chính được nhập khẩu từ các nhà sản xuất nguyên liệu nổi tiếng trên thế giới tại Châu Âu và Mỹ, chất lượng và sản lượng đạt độ ổn định cao. Mặt khác, do là đơn vị hoạt động lâu năm trong ngành nên Công ty chủ động ký hợp đồng cung ứng với các đối tác cho cả năm, do vậy rủi ro biến động giá được hạn chế tối đa và được kiểm soát chặt chẽ bởi IMP.

Phân phối: sản phẩm được phân phối thông qua các nhà phân phối độc quyền và hệ thống 14 chi nhánh trên khắp các tỉnh thành cả nước với kết quả hoạt động kinh doanh tốt, có kiến thức chuyên môn tốt về dược phẩm cũng như hiểu biết về văn hóa địa phương và khả năng phát triển thị trường, xúc tiến các trương chính khuyến mãi, xúc tiến bán hàng do IMP đề ra. Bảng bên thể hiện tỷ trọng doanh thu theo vùng miền của IMP.

Thị trường	DT (%)
Đồng bằng Sông Cửu Long	48%
TP.Hồ Chí Minh	19%
Miền Trung	9%
Tây Nam bộ	6%
Hà Nội	12%
Miền Núi	5%
Tổng DT	100%

Số liệu thị trường tại ngày 07/01/2011

GT vốn hóa TT (tỷ VND)	935	Giá hiện tại (VND)	57.500
KLGD bq 30 ngày	16.170	Giá cao nhất 52 tuần	77.000
SLCP đang lưu hành (triệu CP)	11,61	Giá thấp nhất 52 tuần	55.000
Vốn điều lệ (tỷ VND)	160	P/E 4 quý gần nhất (x)	5,62
EPS (điều chỉnh)	10.233	P/B 4 quý gần nhất (x)	1,31
Lãi cổ tức (%)	3,48%	% sở hữu nước ngoài	46,52%

Đồ thị kỹ thuật giá cổ phiếu tại ngày 07/01/2011



Sự kiện quan trọng sau ngày báo cáo

Ngày 29 tháng 11 năm 2010, Ủy ban Chứng khoán Việt Nam đã chấp thuận IMP tăng vốn từ 116,958 tỷ đồng lên 160 tỷ đồng thông qua phát hành thêm 4.340.180 cổ phiếu, bao gồm:

- 2.331.964 cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu; (1)
 - 200.000 cổ phiếu phát hành thêm cho cán bộ nhân viên; (2)
 - 1.808.216 cổ phiếu phát hành cho cổ đông chiến lược. (3)
- (1) 2.331.964 cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu: Ngày 08 tháng 12 năm 2010, Sở Giao dịch Thành phố Hồ Chí Minh thông báo ngày đăng ký cuối cùng phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, chi tiết:
- Ngày giao dịch không hưởng quyền: 29/12/2010.
 - Ngày đăng ký cuối cùng: 31/12/2010.
 - Tỷ lệ thực hiện: 10:2 (cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được 01 quyền mua và cứ 10 quyền mua sẽ được mua 02 cổ phiếu phát hành thêm).
 - Giá phát hành: 20.000VNĐ/cổ phiếu.

Số cổ phiếu thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Số cổ phiếu lẻ và số cổ phiếu cổ đông thực hiện quyền mua không hết sẽ do Hội đồng quản trị quyết định đối tượng bán và giá bán, nhưng đảm bảo không thấp hơn giá thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu.

- (2) 200.000 cổ phiếu chào bán giá ưu đãi cho cán bộ công nhân viên theo chương trình phúc lợi cổ phiếu (ESOP)
- Giá phát hành: 20.000VNĐ/cổ phiếu.
 - Thời hạn chương trình ESOP: 03 năm.
 - Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định uy chế thực hiện chương trình ESOP, danh sách và tiêu chuẩn phân phối cho CBCNV.
 - Loại cổ phiếu phát hành: cổ phiếu phổ thông hạn chế chuyển nhượng. Từ 12 tháng kể từ khi phát hành, CBCNV được chuyển nhượng 40% số lượng cổ phần ESOP được mua; 2 năm còn lại mỗi năm được quyền chuyển nhượng 30%.

Số cổ phiếu phân phối cho CBCNV của Công ty không đăng ký mua hết sẽ được phân phối cho các đối tác chiến lược.

- (3) 1.808.216 chào bán riêng lẻ cho các nhà đầu tư chiến lược
- Giá chào bán: giá bình quân của 10 phiên giao dịch trên thị trường niêm yết (trước ngày bán cổ phiếu riêng lẻ) chiết khấu giảm trừ tối đa không quá 20% giá bình quân nêu trên và giá không được thấp hơn giá trị sổ sách tại ngày 31/12/2009 là 46.400 đồng/cổ phiếu. Mức giá cụ thể do Hội đồng quản trị xem xét quyết định.
 - Cổ phiếu được bán trực tiếp cho các đối tác chiến lược dưới sự chấp thuận của Hội đồng quản trị.

Chỉ tiêu tài chính				
BC Lãi lỗ (Triệu đồng)	Q3 2010	2009	2008	2007
Doanh thu thuần	206.437	660.076	561.844	451.602
Lợi nhuận gộp	90.456	293.433	242.036	193.030
Thu nhập tài chính	1.110	11.246	16.988	6.895
Chi phí tài chính	1.293	9.685	13.913	2.269
Lợi nhuận thuần HĐKD	28.633	83.152	75.128	62.347
Lợi nhuận trước thuế	28.533	80.528	70.773	63.231
Thuế TNDN	883	14.336	12.240	8.499
Lợi nhuận sau thuế	27.650	65.707	58.266	54.518

Bảng CĐKT (triệu đồng)	30/09/2010	31/12/2009	31/12/2008	31/12/2007
Tiền & tương đương tiền	60.214	135.040	110.881	60.214
Đầu tư TC ngắn hạn	4.743	12.808	25.707	4.743
Phải thu ngắn hạn	181.250	175.895	106.864	181.250
Hàng tồn kho	185.462	195.921	148.255	185.462
Tài sản ngắn hạn khác	9.420	7.527	6.478	9.420
Tài sản cố định & XDCB	190.873	152.338	131.977	44.362
Đầu tư dài hạn	34.233	37.648	39.176	23.069
Tài sản dài hạn khác	14.505	14.291	27.074	31.085
TỔNG TÀI SẢN	680.699	731.469	596.411	568.426
Nợ ngắn hạn	105.601	182.931	81.905	72.209
Nợ dài hạn	1.726	10.808	1.932	701
Vốn chủ sở hữu	573.372	537.730	512.573	495.515
TỔNG NGUỒN VỐN	680.699	731.469	596.411	568.426

Chỉ số tài chính	Q3 2010	2009	2008
Tăng trưởng DT thuần (%)	33%	17%	24%
LN thuần (%)	84%	13%	7%
Vốn CSH (%)	7%	5%	3%
Tổng tài sản (%)	-7%	23%	5%
LN gộp biên (%)	46,27%	44,45%	43,08%
LN thuần biên (%)	12,00%	9,95%	10,37%
ROA (%)	12,33%	10%	10%
ROE (%)	15,7%	13%	12%
EPS cơ bản(VND)	7.404	N/A	N/A
Thanh toán hiện hành (x)	4,18	2,88	4,86
Tổng vay chịu lãi/VCSH (x)	0,04	0,07	0,01
Tổng nợ/vốn CSH (x)	0,19	0,36	0,16

Kế hoạch (tỷ đồng)	2010		2011		2012	
Khoản mục	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
Vốn điều lệ	160	37,23%	160	0,00%	160	0,00%
Doanh thu	760	15,15%	930	22,37%	1.100	18,28%
LNST	70	3,74%	80	11,43%	97	12,13%
LNST/DTT	9,21%	0,07%	8,6%	-1,07%	8,82%	-
LNST/VĐL	43,75%	15,17%	50%	11,43%	60,63%	12,13%
Cổ tức/VĐL	20-25%	0,00%	20-25%	0,00%	20-25%	0,00%

Doanh nghiệp so sánh tại ngày 07/01/2011	DHG	DMC	TRA
GT vốn hóa TT (tỷ VND)	3.120,73	530,37	642,48
P/E 4 quý gần nhất (x)	2,36	3,59	6,92
P/B 4 quý gần nhất (x)	2,63	0,99	1,94
Lãi cổ tức (%)	2,61%	6,67%	3,05%
ROA (%)	25,07%	11,78%	12,96%
ROE (%)	35,96%	17,52%	20,57%
EPS điều chỉnh (đồng)	49.112	8.411	7.592
LN gộp biên (%)	48,78%	31,75%	33,49%
LN thuần biên (%)	15,24%	9,59%	8,58%
Tổng nợ/VCHS (x)	0,42	0,52	0,62
Tỷ lệ TT hiện hành (x)	3,03	1,99	2,29

Phân tích tài chính

Tăng trưởng

- So với cùng kỳ năm 2009, doanh thu và lợi nhuận gộp của quý 3 năm 2010 tăng 33,11% và 30,48% tương ứng với 51,5 tỷ đồng và 21,13 tỷ đồng giá trị. Góp phần vào sự gia tăng trên phải kể đến chiến lược mở rộng thị trường tăng doanh thu bán hàng nhượng quyền và hàng hóa thương mại khác lên 12%, đặc biệt giá trị sản xuất hàng thương hiệu IMP tăng 37,3% cùng với việc tái cơ cấu sản phẩm nhằm loại bỏ các sản phẩm không hiệu quả. Tính đến cuối quý 3 năm 2010, IMP đạt được 522 tỷ đồng doanh thu và 66,68 tỷ đồng lợi nhuận, hoàn thành 69% kế hoạch doanh số và 95% kế hoạch lợi nhuận năm. Theo thông tin từ công ty, IMP có thể đạt 95-97 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế cả năm 2010. Nếu không có biến động bất thường trong những tháng cuối năm, chúng tôi tin tưởng IMP sẽ hoàn thành kế hoạch bởi quý cuối cùng luôn đạt kết quả kinh doanh tốt nhất cả năm. Đây cũng là cơ sở đề ra kế hoạch tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận bình quân 10-15% cho năm 2011.
- Chi phí tài chính 9 tháng đầu năm 2010 giảm 19% so với cùng kỳ năm 2009 chủ yếu do giảm vay nợ dẫn tới giảm chi phí tài chính. Tổng nợ vay chịu lãi tại ngày 30/09/2010 là 23 tỷ đồng, giảm 41% so với 39,79 tỷ đồng cuối năm 2009.
- Để đẩy mạnh bán hàng, IMP chi thêm 25% tương đương 30 tỷ đồng để giới thiệu các sản phẩm công ty sản xuất mang thương hiệu Imexpharm. Dù tốc độ tăng trưởng doanh thu năm nay chậm hơn tốc độ tăng trưởng chi phí bán hàng, tuy nhiên IMP kỳ vọng sự đầu tư này sẽ mang lại nguồn doanh thu đáng kể trong các năm tiếp theo.
- Chi phí thuế TNDN giảm nhẹ do IMP đã tính khoản thuế giảm trừ do hoạt động đầu tư xây dựng mới nhà máy Cephalosporin ở Bình Dương. Công ty được miễn thuế trong năm đầu tiên và giảm 50% thuế trong 4 năm tiếp theo, bắt đầu từ năm 2010.

Chất lượng tài sản

- ROE và ROA được duy trì ổn định ở mức cao và có xu hướng tăng nhẹ so với mức bình quân hàng năm 10% của ROA và 13% của ROE, tuy nhiên vẫn thấp hơn khi so sánh với các doanh nghiệp trong ngành. Tương quan trên không phản ánh hoạt động kinh doanh của IMP kém hiệu quả hơn mà chủ yếu do chiến lược của IMP hiện nay đang tập trung đầu tư hơn 20 tỷ đồng để nâng cấp và hiện đại hóa hệ thống quản lý chất lượng trong các nhà máy Penicillin và Non Beta-lactam. Bên cạnh đó, sau 2 năm xây dựng với số vốn đầu tư 110 tỷ đồng, nhà máy Cephalosporin ở VSIP II – Bình Dương với công suất 800 sản phẩm/năm đã được phê duyệt đạt tiêu chuẩn GMP-WHO. Dự kiến hoàn thành và đưa vào hoạt động cuối năm nay, hoạt động của nhà máy mới sẽ đóng đáng kể vào doanh thu và lợi nhuận trong những năm tới đồng thời giúp cải thiện ROA và ROE.
- Tỷ lệ thanh toán hiện hành của IMP tương đối an toàn và cao hơn so với các doanh nghiệp trong ngành, mặc dù có giảm so với năm 2008 do khoản vay để đầu tư cho dự án nhà máy Cephalosporin ở Bình Dương làm tăng tổng nợ vay.
- Cơ cấu vốn được duy trì ở mức an toàn và tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu thấp hơn các doanh nghiệp so sánh. Tổng nợ chiếm bình quân 17% tổng nguồn vốn, trong đó nợ vay chịu lãi chỉ chiếm khoảng 3%. Cơ cấu vốn này cho phép IMP có thể sử dụng đòn bẩy tài chính để tài trợ các dự án khi cần thiết.

PHỤ LỤC 1 – CÁC DỰ ÁN ĐANG THỰC HIỆN

STT	HỢP ĐỒNG	SẢN PHẨM	GIÁ TRỊ	ĐỐI TÁC
1	34/HĐKT ngày 29 tháng 09 năm 2009	ETHAMBUTOL 400mg Isoniazid 300mg	25.237.290.000 4.244.760.000	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi trung ương và Dự án Quốc gia phòng chống Lao giai đoạn 2007-2011
2	33/HĐKT ngày 29 tháng 09 năm 2009	ETHAMBUTOL 400mg Isoniazid 300mg	25.237.290.000 4.244.760.000	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi trung ương và Dự án Quốc gia phòng chống Lao
3	02/HĐMB-IMEX ngày 04 tháng 01 năm 2010	Tân dược	5.000.000.000	Công ty CP Dược phẩm Phú Thọ
4	07/HĐMB-IMEX ngày 04 tháng 01 năm 2010	Tân dược	3.000.000.000	Công ty TNHH Dược phẩm Sài Thành
5	08/HĐMB-IMEX ngày 04 tháng 01 năm 2010	Tân dược	1.500.000.000	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Phong
6	23/HĐMB-IMEX ngày 09 tháng 12 năm 2009	Tân dược	2.000.000.000	Công ty TNHH Dược phẩm Thuận Gia
7	26/HĐMB-IMEX ngày 02 tháng 01 năm 2010	Tân dược	30.000.000.000	Công ty TNHH Dược phẩm Gia Đại
8	02/HĐDL-IMEX ngày 02 tháng 01 năm 2010	Tân dược	3.500.000.000	Công ty TNHH Dược phẩm và Thiết bị Y tế Vinh Khang

PHỤ LỤC 2 – KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ SAU KHI PHÁT HÀNH TĂNG VỐN

STT	Dự án	Đầu tư (tỷ đồng)
1	Đầu tư xây dựng nhà máy và dây chuyền công nghệ thuốc tiêm Peni tại Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore, Bình Dương	50
2	Đầu tư vào hệ thống phân phối, bao gồm	70
	- Thành phố Hồ Chí Minh	17
	- Đà Nẵng	03
	- Bình Dương	04
	- Nha Trang	04
	- An Giang	05
	- Hong Ngu	03
	- Thành phố Cao Lãnh	18
	- Daklak	04
	- Rạch Giá	04
	- Cà Mau	04
	- Bắc Giang	04
3	Nâng cấp và hiện đại hóa máy móc và thiết bị cho các nhà máy mới tại thành phố Cao Lãnh	10
4	Bổ sung vốn cho hoạt động của các nhà máy mới	29,13
	Tổng cộng	159,13

Để biết thêm thông tin chi tiết về mã cổ phiếu này, vui lòng truy cập trang web Ezsearch của chúng tôi tại địa chỉ <http://ezsearch.fpts.com.vn>
Phòng Phân tích đầu tư, Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT - Chuyên viên: Trần Hằng Nga - Ngath@fpts.com.vn

Tuyên bố miễn trách nhiệm

Các thông tin và nhận định trong báo cáo này được cung cấp bởi FPTS dựa vào các nguồn thông tin mà FPTS coi là đáng tin cậy, có sẵn và mang tính hợp pháp. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo tính chính xác hay đầy đủ của các thông tin này.

Nhà đầu tư sử dụng báo cáo này cần lưu ý rằng các nhận định trong báo cáo này mang tính chất chủ quan của chuyên viên phân tích FPTS, Nhà đầu tư sử dụng báo cáo này tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

FPTS có thể dựa vào các thông tin trong báo cáo này và các thông tin khác để ra quyết định đầu tư của mình mà không bị phụ thuộc vào bất kỳ ràng buộc nào về mặt pháp lý đối với các thông tin đưa ra.

Các thông tin có liên quan đến các chứng khoán khác hoặc các thông tin chi tiết liên quan đến cổ phiếu này có thể được xem tại <http://ezsearch.fpts.com.vn> hoặc sẽ được cung cấp khi có yêu cầu chính thức.

Bản quyền © 2010 Công ty chứng khoán FPT

Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT

Trụ sở chính

Tầng 2 – Tòa nhà 71 Nguyễn Chí Thanh
Quận Đống Đa - Hà Nội - Việt Nam
ĐT: (84.4) 3 773 7070 / 271 7171
Fax: (84.4) 3 773 9058

Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT

Chi nhánh Tp. Đà Nẵng

124 Nguyễn Thị Minh Khai – Quận Hải Châu
Tp. Đà Nẵng - Việt Nam
ĐT: (84.511) 3553 666
Fax: (84.511) 3553 888

Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT

Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh

31 Nguyễn Công Trứ - Phường Nguyễn Thái
Bình
Quận 1 - Tp. Hồ Chí Minh - Việt Nam
ĐT: (84.8) 6 290 8686
Fax: (84.8) 6 291 0607